

ĐẨY MẠNH HOẠT ĐỘNG XUẤT KHẨU HÀNG DỆT MAY CỦA VIỆT NAM SANG THỊ TRƯỜNG LIÊN MINH CHÂU ÂU TRONG BỐI CẢNH HIỆN NAY

● PHẠM QUỐC CÔNG

TÓM TẮT:

Mặt hàng dệt may là sản phẩm xuất khẩu (XK) chủ lực của Việt Nam, chiếm tỷ trọng lớn trong tổng kim ngạch XK hàng năm. Tuy nhiên, với thị trường rộng lớn và đặc biệt trở nên đầy tiềm năng sau khi hiệp định EVFTA được ký kết là châu Âu, ngành Dệt may Việt Nam vẫn chưa tận dụng được hiệu quả những lợi thế của mình để phát triển mạnh mẽ hơn. Với tác động từ đại dịch Covid-19, trong 2 năm qua, ngành Dệt may Việt Nam đã gặp không ít khó khăn trong việc đẩy mạnh XK hàng dệt may sang thị trường liên minh châu Âu (EU). Do vậy, bài nghiên cứu đã chỉ ra những cơ hội, thách thức đối với ngành Dệt may và đề xuất các giải pháp nhằm thúc đẩy XK hàng dệt may của Việt Nam sang thị trường EU trong bối cảnh hiện nay.

Từ khóa: dệt may, xuất khẩu, thị trường Liên minh châu Âu, Việt Nam.

1. Đặt vấn đề

Trong thời gian gần đây, XK sản phẩm dệt may của Việt Nam đã đạt được những thành tựu ấn tượng. Ngành Công nghiệp dệt may trong nước đang phát triển nhanh chóng và XK hàng dệt may đã trở thành một phần quan trọng trong cấu trúc XK của Việt Nam. Về thị trường XK, thị trường EU với quy mô lớn và tiềm năng phát triển mạnh mẽ đang thu hút sự quan tâm của nhiều quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam với mặt hàng dệt may.

Tuy nhiên, việc XK hàng dệt may sang thị trường EU vẫn đối mặt với nhiều thách thức và hạn chế điển hình như những quy định về kỹ thuật hay tiêu chuẩn cao về chất lượng vải. Trong bối cảnh hiện nay, khi thị trường XK quốc tế đang trở nên cạnh tranh khốc liệt và biến động khó đoán, Việt Nam cần tăng cường hoạt động XK hàng dệt may sang thị trường EU để tận dụng hoàn toàn tiềm

năng và lợi thế từ việc tham gia Hiệp định Đối tác Kinh tế toàn diện và Tiến bộ (EVFTA) với EU.

2. Cơ sở lý thuyết

2.1. Khái quát về các mặt hàng dệt may XK

Một trong những ngành công nghiệp quan trọng nhất trong lịch sử của Việt Nam là ngành Dệt may. Thiết kế thành phẩm, sản xuất sợi, nhuộm, dệt vải, hoàn thiện sản phẩm và phân phối đến người tiêu dùng là một số quy trình trong quy trình sản xuất hàng dệt may. Do nguồn lao động ở nước ta dồi dào nên ngành này có thể được sản xuất ở trình độ cao. Sản xuất hàng dệt may không chỉ đáp ứng nhu cầu trong nước mà còn XK sang nhiều nước và khu vực trên thế giới.

Quần áo, vải, sợi, phụ kiện dệt may và vải không dệt là một trong những sản phẩm dệt may được XK thường xuyên (Khánh An, 2022). Danh mục mặt hàng xuất nhập khẩu của Bộ Tài chính từ

Chương 50 đến Chương 63 có quy định đối với mặt hàng dệt may. Trong đó, XK quần áo thông thường hoặc các mặt hàng có mã HS 61 và 62 là cao nhất.

Về cơ cấu mặt hàng, hàng dệt may Việt Nam được tiêu thụ tại EU khá phong phú. Các mặt hàng quần, áo jacket, đồ lót, áo thun được ưa chuộng và chiếm tỷ trọng lớn nhất trong kim ngạch XK. Đáng chú ý, EU cũng là thị trường XK chính cho một số mặt hàng như caravat, găng tay, quần áo bảo hộ lao động, áo đạo hồi...

2.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động thúc đẩy XK dệt may Việt Nam sang EU

2.2.1. Các nhân tố chủ quan

Nhân tố lao động: Ngành Dệt may là một trong những ngành công nghiệp dùng nhiều lao động nhất tại Việt Nam. Ngành Dệt may không yêu cầu lao động có trình độ học vấn cao, nhưng cũng cần lao động có tay nghề tốt, quen nghề. Hiện nay, ngành Dệt may phải đối diện với tình trạng khan hiếm lao động đáng báo động, khiến các nhà máy không thể đạt được 100% công suất. Để đào tạo một lao động mới trở thành lao động có tay nghề, doanh nghiệp mất rất nhiều thời gian và chi phí. Các doanh nghiệp dệt may (DNDM) Việt Nam đang cố gắng để lực lượng lao động ngành Dệt may không chỉ đông về số lượng mà còn tốt về chất lượng, nâng cao đời sống và môi trường làm việc cho người lao động.

Hiệp định EVFTA giữa Việt Nam và EU được cho là sẽ đem lại tác động tích cực đến lực lượng lao động Việt Nam. Theo tính toán, hiệp định này đem lại khoảng 146.000 vị trí việc làm mới cho người lao động mỗi năm, chủ yếu trong các ngành Việt Nam có lợi thế XK như da giày, dệt may, nội thất... (Nhật Anh, 2022). Tuy nhiên, đi kèm với đó là những yêu cầu cao hơn đến từ thị trường EU về mặt hàng XK, vì vậy người lao động cần phải cải thiện chuyên môn và tay nghề để có thể đáp ứng được công việc.

Nhân tố nguyên phụ liệu: Nguyên phụ liệu đóng vai trò hết sức quan trọng ảnh hưởng đến chất lượng đầu ra của sản phẩm. Trên thực tế, phần lớn nguyên phụ liệu sử dụng trong ngành Dệt may đều phải nhập khẩu, điển hình như năm 2020, kim ngạch XK đạt 35,29 tỷ USD và tổng giá trị nhập khẩu nguyên phụ liệu là 18,1 tỷ USD (Tổng cục Hải quan Việt Nam, 2020). Mặc dù có nguồn cung nguyên phụ liệu trong nước nhưng không đủ để cung cấp liên tục cho hoạt động của DN.

Nhân tố máy móc, công nghệ sản xuất: Ngành Dệt may là một trong nhiều ngành có quy trình sản xuất phức tạp và kiểm soát chất lượng nghiêm ngặt để tạo ra sản phẩm cuối cùng có chất lượng cao. Việc sử dụng máy móc và công nghệ sản xuất có ý nghĩa quyết định đến quá trình sản xuất. Tốc độ tăng trưởng của ngành Dệt may đang tăng nhanh, khiến việc đầu tư vào thiết bị và công nghệ mới trở nên quan trọng. Hiện nay, máy móc, thiết bị sản xuất sợi, dệt của Việt Nam mặc dù có trình độ công nghệ khá tiên tiến nhưng chất lượng đầu ra và năng lực sản xuất chỉ mới đạt mức trung bình. Hơn nữa, dù Việt Nam đã có các dây chuyền nhuộm và hoàn tất vải với công nghệ cao nhưng số lượng còn rất ít, chưa phát huy được hết tính năng của thiết bị.

Nhân tố nền công nghiệp hỗ trợ: Trình độ phát triển nền công nghiệp hỗ trợ ngành Dệt may Việt Nam đang ở mức thấp. Công nghiệp dệt, nhuộm rất yếu; các nhà máy chủ yếu là may gia công với giá trị thấp. Đại diện một số DN cho rằng, phát triển công nghiệp hỗ trợ ngành Dệt may đòi hỏi chi phí cho xử lý môi trường rất cao, nhất là công đoạn nhuộm vải nên sản phẩm làm ra có giá thành cao. Tuy nhiên, DN muốn đầu tư vào dệt nhuộm phải tuân thủ quy định liên quan đến môi trường, đòi hỏi chi phí sản xuất tăng lên rất cao. Vì vậy, hiện nay Việt Nam không có nhiều nhà máy nhuộm.

2.2.2. Các nhân tố khách quan

Nhân tố nhu cầu và thị hiếu của thị trường EU: Thị hiếu người tiêu dùng EU hướng đến những sản phẩm chất lượng, thoải mái, thân thiện với môi trường. Trong và sau giai đoạn giãn cách xã hội vì Covid-19, người dân EU cũng như trên thế giới chuyển sang trạng thái làm việc tại nhà. Vì vậy, những bộ quần áo thoải mái được ưa chuộng hơn bao giờ hết. Xu hướng này được gọi là “athleisure”, là sự kết hợp giữa “athlete” và “leisure”. Đó là những bộ trang phục thể thao mang lại sự thoải mái, có thể mặc khi tập thể thao hay cả khi thường ngày. Thị trường này được kỳ vọng sẽ tăng 7% mỗi năm cho đến 2026. Nắm bắt được xu hướng này, DNDM Việt Nam có thể chú trọng đến các sản phẩm được ưa chuộng và đẩy mạnh sản lượng XK sang thị trường châu Âu.

Nhân tố chính sách quản lý nhập khẩu, quan hệ thương mại hàng dệt may với EU: EU áp dụng chính sách đặc biệt cho mặt hàng dệt may nhập khẩu vào thị trường. Các sản phẩm cần tuân thủ các yêu cầu

về sử dụng lâu dài, tái chế, cung cấp thông tin về hóa chất, thành phần sợi và khả năng sửa chữa. Đây là những yêu cầu khắt khe các doanh nghiệp Việt Nam cần thay đổi để đáp ứng.

Nhân tố cạnh tranh tại thị trường EU: EU đã áp dụng các chính sách ưu đãi trong xuất nhập khẩu cho các quốc gia thành viên như Pakistan, Bangladesh và Campuchia đang được hưởng lợi từ các chính sách thuế quan miễn và giảm thuế, tạo lợi thế cạnh tranh về giá cả. Trước khi có Hiệp định EVFTA, Việt Nam đã được hưởng ưu đãi thuế GSP tiêu chuẩn từ EU. Tuy nhiên, với EVFTA, hàng dệt may của Việt Nam sẽ được giảm thuế và tạo lợi thế cạnh tranh so với các quốc gia khác.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

Bài nghiên cứu sử dụng phương pháp nghiên cứu định tính sử dụng và phân tích thông tin dựa trên dữ liệu thứ cấp từ các nguồn uy tín như tạp chí chuyên ngành, các bài báo nghiên cứu khoa học, số liệu từ ITC Trademap, Un Comtrade, Tổng cục Thống kê, Bộ Công Thương, Tổng cục Hải quan... từ đó thu được một số phân tích như sau:

3.1. Nguyên nhân của thành tựu và hạn chế

3.1.1. Nguyên nhân của thành tựu

Thứ nhất, Việt Nam có nguồn lao động vô cùng dồi dào và ổn định, với tỷ lệ lao động ở nông thôn và thành thị không quá chênh lệch. Đây là một lợi thế cho ngành Dệt may Việt Nam bởi yêu cầu về lao động cho ngành khá cao, không yêu cầu quá lớn về trình độ người lao động. Các nhà máy dệt may cũng dần chuyển hướng ra các vùng nông thôn, xa thành thị.

Thứ hai, các mặt hàng dệt may Việt Nam khá đa dạng và phong phú, linh hoạt theo xu hướng và thị hiếu thị trường trong từng giai đoạn. Trong đại dịch Covid-19, nhu cầu sử dụng hàng dệt may thông thường giảm mạnh, trong khi các sản phẩm bảo hộ y tế lại được ưa chuộng. Các DNDM Việt Nam nắm bắt được xu hướng đó và đẩy mạnh sản xuất các mặt hàng bảo hộ y tế, bảo hộ lao động.

Thứ ba, mối quan hệ kinh tế - thương mại giữa Việt Nam và EU ngày càng trở nên khăng khít và sâu sắc hơn. Là đối tác kinh tế lớn trong thương mại, EU và Việt Nam luôn cố gắng thúc đẩy và hỗ trợ các hoạt động giao thương, hợp tác giữa hai bên. Đặc biệt, với ngành có kim ngạch XK lớn như dệt may, các DNDM Việt Nam luôn được Nhà nước tạo điều kiện để việc sản xuất và XK hàng hóa được diễn ra thuận lợi.

3.1.2. Nguyên nhân của hạn chế

Thứ nhất, ngành Dệt may đang gặp khó khăn với nguồn lao động chưa đạt chất lượng, thu nhập và năng lực không tương xứng với sự phát triển của ngành. Đa số người lao động trong ngành tham gia vào quá trình sản xuất tạo thành phẩm, không yêu cầu trình độ cao. Tuy nhiên, ngành thiếu nguồn nhân lực ở các vị trí như thiết kế, thương hiệu,... gây khó khăn cho các doanh nghiệp và giới hạn thu nhập của người lao động. Thu nhập thấp dẫn đến giảm sút động lực sản xuất và tỷ lệ rời bỏ ngành cao. Ngành Dệt may Việt Nam cũng phải đối mặt với thách thức cạnh tranh về lao động với các ngành XK khác ở trong nước.

Thứ hai, phương thức sản xuất chủ yếu được sử dụng trong sản xuất và XK hàng dệt may là phương thức sản xuất tạo ra giá trị gia tăng thấp nhất. Các doanh nghiệp Việt Nam chỉ cần tham gia vào các công đoạn tùy chỉnh và hoàn thiện sản phẩm tương ứng với đơn đặt hàng, do đó rất ít sản phẩm mang thương hiệu riêng của họ đến được cửa hàng, bán lẻ trên toàn thế giới. Do đó, dệt may Việt Nam khó đóng vai trò quan trọng trong chuỗi giá trị dệt may toàn cầu khi thiếu sự chủ động trong sản xuất, mẫu mã và thương hiệu riêng.

Thứ ba, quy mô DN còn nhỏ nên năng lực cạnh tranh của ngành Dệt may Việt Nam trên trường quốc tế còn hạn chế. DNDM Việt Nam chủ yếu là DN vừa và nhỏ, chưa chú trọng vào truyền thông thương hiệu. DNDM Việt Nam vẫn chưa có mối quan hệ với người sử dụng cuối cùng. Hệ quả là, các công ty sản xuất quần áo ở Việt Nam không thể tạo ra lợi nhuận, hoặc thiết lập sự hiện diện trong ngành thời trang toàn cầu.

Thứ tư, công nghệ và máy móc sử dụng trong ngành Dệt may Việt Nam còn chưa phát triển so với các đối thủ cạnh tranh khác trên thế giới. Một số DN lớn đã đầu tư máy móc, công nghệ cao của châu Âu nhưng chưa khai thác hết được tính năng của thiết bị. Còn lại, các DN vừa và nhỏ chưa có đủ năng lực kinh tế để đầu tư một khoản tiền lớn vào máy móc thiết bị.

3.2. Một số giải pháp đẩy mạnh

3.2.1. Đẩy mạnh bồi dưỡng nguồn nhân lực chất lượng cao cho ngành Dệt may nhằm tăng sản lượng và chất lượng hàng dệt may XK

Ngành Dệt may cần tạo ra nguồn nhân lực có tay nghề và kỹ năng cao để đáp ứng yêu cầu sản xuất, thiết kế, xây dựng thương hiệu và phát triển

sản phẩm. Đào tạo nguồn nhân lực tốt sẽ giúp DN tăng sản lượng và chất lượng, tạo dựng được thương hiệu và vị thế trên thị trường. DNDM cần phát triển nguồn nhân lực về số lượng và chất lượng, đào tạo chuyên sâu và thực tế, hỗ trợ nhân lực mới vào nghề và chú trọng đào tạo cán bộ quản lý và kỹ thuật. DNDM cũng cần xây dựng hệ thống chế độ lương thưởng và phúc lợi phù hợp, đảm bảo môi trường làm việc an toàn và thu hút nguồn nhân lực chất lượng. Nhà nước và các bộ, ban, ngành cần quan tâm và hỗ trợ việc đào tạo nguồn nhân lực cho ngành dệt may và các ngành sản xuất khác.

3.2.2. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ hiện đại vào sản xuất nhằm tăng năng suất và chất lượng hàng dệt may

DN cần tham gia các hội nhóm tư vấn về công nghệ và lựa chọn đầu tư vào máy móc công nghệ phù hợp với chi phí và quy mô của công ty. Cùng với đó, Nhà nước cần có các biện pháp, chính sách hỗ trợ vay vốn với lãi suất thấp để DN có thể đầu tư máy móc. Nhà nước cần quản lý chặt chẽ vấn đề nhập khẩu máy móc cũ để tiết kiệm chi phí tránh những vấn đề về môi trường. Bên cạnh đó, ngành Dệt may Việt Nam cần chủ động nghiên cứu, phát triển công nghệ, máy móc phù hợp với nhu cầu của DN trong nước. Không chỉ phát triển công nghệ cho dệt may, các ngành công nghiệp hỗ trợ cũng cần được chú trọng đầu tư máy móc thiết bị.

3.2.3. Nâng cao tỷ lệ nội địa hóa nguyên phụ liệu tiến tới xây dựng chuỗi cung ứng nguyên phụ liệu khép kín đáp ứng quy tắc xuất xứ của EVFTA

Để phát triển ngành sản xuất nguyên phụ liệu

cho dệt may, cần đầu tư cơ sở hạ tầng và xác định điểm mạnh, điểm yếu của từng địa phương. Đối với ngành dệt, nhuộm vải, cần đầu tư máy móc và công nghệ hiện đại để sản phẩm đạt chất lượng và không gây ô nhiễm môi trường. Việc xây dựng nhà máy sản xuất nguyên phụ liệu gần khu vực sản xuất hàng dệt may giúp giảm chi phí phân phối. Phát triển cây bông vải để tăng cung cấp nguyên liệu trong nước cho ngành dệt may, giảm nhập siêu và tăng giá trị gia tăng hàng sợi vải. Để phát triển ngành Dệt nhuộm, cần đầu tư nguồn lực kinh tế lớn và công nghệ cao để không gây ảnh hưởng đến môi trường. Nhà nước cần hỗ trợ DN và khuyến khích nghiên cứu, phát triển công nghệ, chế tạo nguyên phụ liệu mới để tạo lợi thế cạnh tranh cho ngành dệt may Việt Nam.

3.2.4. Thu hút đầu tư nước ngoài nhằm đẩy mạnh phát triển ngành công nghiệp dệt may Việt Nam, thúc đẩy quá trình hội nhập kinh tế

Ngành Dệt may Việt Nam có thể trở thành điểm đến thu hút đầu tư nước ngoài bằng cách tận dụng những lợi thế như nguồn lao động dồi dào, chi phí lao động thấp và môi trường kinh doanh hấp dẫn. Doanh nghiệp cần tìm cách kết nối với hệ thống sản xuất và thương mại toàn cầu thông qua thu hút vốn FDI. Nhà nước cần đưa ra các biện pháp khuyến khích đầu tư vào ngành Dệt may, xây dựng môi trường kinh doanh thuận lợi và tận dụng ưu đãi từ Hiệp định EVFTA. Các doanh nghiệp cũng cần tự chủ động tìm kiếm đầu tư và không phụ thuộc hoàn toàn vào sự hỗ trợ từ chính phủ ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Bộ Công Thương, (2021). Thông tin xuất khẩu vào thị trường EU - Mặt hàng dệt may. Truy cập tại https://trungtamwto.vn/file/21540/mat-hang-det-may_0939.pdf
2. Nhật Anh, (2022). Cạn nguồn lao động dệt may da giày. Truy cập tại <https://vnexpress.net/can-nguon-lao-dong-det-may-da-giay>
3. Số liệu xuất nhập khẩu ngành Dệt may từ Tổng cục Hải quan tại website: <https://www.customs.gov.vn>
4. Tổng cục Hải quan, (2022). Tình hình xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam tháng 12 và 12 tháng/2021. Truy cập tại <https://www.customs.gov.vn/index.jsp?pageId=442&tkId=6083&group=Ph%C3%A2n%20t%C3%ADch&category=undefined>
5. Tổng cục Thống kê, (2022). Thông cáo báo chí tình hình lao động việc làm quý II và 9 tháng đầu năm 2022. Truy cập tại <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2022/07/thong-cao-bao-chi-tinh-hinh-lao-dong-viec-lam-quy-ii-va-6-thang-dau-nam-2022/>

6. Thủy Trần, (2022). Chiến lược phát triển ngành Dệt may đến năm 2030. Truy cập tại <https://moit.gov.vn/tin-tuc/phat-trien-cong-nghiep/chien-luoc-phat-trien-nganh-det-may-den-nam-2030.html>
7. Brunilda Nazario, (2021). Coronavirus and COVID-19: What you should know? [Online] Available at <https://www.webmd.com/covid/coronavirus>
8. Department of Commerce of United States of America, (2022). *European Union Market Report - Textiles, Apparel, Footwear, and Travel Goods*. United States.
9. Le Ha Phuong, (2021). Analyzing factors affecting the export efficiency of Vietnams textile and garment to EU countries. [Online] Available at https://repository.vnu.edu.vn/bitstream/VNU_123/137058/1/00051000615.pdf

Ngày nhận bài: 17/4/2023

Ngày đánh giá và sửa chữa: 29/4/2023

Ngày chấp nhận đăng bài: 18/5/2023

Thông tin tác giả:

PHẠM QUỐC CÔNG

Công ty Cổ phần Dầu khí và Công nghiệp Phương Bắc

PROMOTING VIETNAM'S TEXTILE AND GARMENT EXPORTS TO THE EU MARKET

● PHAM QUOC CONG

Phuong Bac Industry And Petroleum Group Joint Stock Company

ABSTRACT:

Textile products are Vietnam's main export products, accounting for a large proportion of the country's total annual export turnover. However, after the European Union – Vietnam Free Trade Agreement took effect, Vietnam's textile and garment industry has not yet fully taken advantage of this agreement to exploit the European Union (EU) market. In addition, the COVID-19 pandemic had negatively affected Vietnam's textile and garment exports to the EU market in the past two years. This study points out opportunities and challenges for Vietnam's textile and garment industry and proposes solutions to promote this industry's exports to the EU market in the current context.

Keywords: textile, export, the European Union market, Vietnam.